

Trương Vĩnh Ký với biên khảo: “Tập bài giảng nhỏ về địa lý Nam Kỳ” (Petit cours de géographie de la basse-cochinchine)

Bùi Thị Hà*

Nhận ngày 14 tháng 10 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 01 năm 2024.

Tóm tắt: Trong cuộc đời mình, học giả Trương Vĩnh Ký (1837-1898) đã để lại một di sản tác phẩm đồ sộ với nhiều thể loại khác nhau như thơ ca, truyện, sách giáo khoa, từ điển, khảo cứu lịch sử, địa lý... Trong đó, các khảo cứu về lịch sử và địa lý Nam Kỳ được ông thực hiện và cho xuất bản từ khá sớm, mở đầu là công trình *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine*, 1^{er} Édition, Saigon, Imprimerie du Gouvernement, 1875 (*Tập bài giảng nhỏ về địa lý Nam Kỳ*, in lần đầu tại Nhà in Phủ Toàn quyền, Sài Gòn, 1875). Vượt lên một tập bài giảng 60 trang dùng để giảng dạy cho học sinh các trường thuộc địa, công trình này đã trở thành một biên khảo tiêu biểu, có giá trị tham khảo lớn về lịch sử hình thành và địa lý Nam Kỳ thời kỳ thuộc địa.

Từ khóa: Trương Vĩnh Ký, lịch sử, địa lý, Nam Kỳ.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The scholar Trương Vĩnh Ky (1837-1898) left behind a huge legacy of works in many different genres such as poetry, prose, textbooks, dictionaries, historical and geographical research... Among them, he carried out and had research on the history and geography of Nam Kỳ, also known as Cochinchina, published quite early, starting with the work *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine*, 1^{er} Édition, Saigon, Imprimerie du Gouvernement, 1875 (*Small Collection of Lectures on Geography of Nam Kỳ*, first printed at the General Governor Palace Printing House, Saigon, 1875). Going beyond a 60-page set of lectures used to teach students in colonial schools, the work has become an outstanding book with great reference value on the history and geography of Cochinchina during the colonial period.

Keywords: Trương Vĩnh Ký, history, geography, Cochinchina.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Trương Vĩnh Ký là người có sức làm việc phi thường khi có thể viết rất nhiều sách và thể loại sách khác nhau. Căn cứ vào các thư mục do các tác giả trong và ngoài nước biên soạn, Trương Vĩnh Ký có trên 100 đầu sách (Nhiều tác giả, 2006: 12). Tác giả Bằng Giang từng khẳng định trong ba tác giả viết khỏe nhất ở Nam Kỳ trong hơn 3 thập niên cuối cùng của thế kỷ XIX (ý nói: Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của và Trương Minh Ký), thì Trương Vĩnh Ký là người nổi trội hơn cả. Nếu tính những sách đã xuất bản thì có 55 đầu sách, 4 tác phẩm còn có nghi vấn, tác phẩm in thạch bản (kể cả một số được in typo sau thạch bản) có 74 tác phẩm (kể cả các catalogues). Còn có thể kể thêm 30 tác phẩm dự định xuất bản với nhiều bản thảo và tài liệu chép tay và khoảng 10 bài báo đăng ở các tập san

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: habuiivsh@gmail.com

(Nhiều tác giả, 2006: 101). Các tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại khác nhau như thơ ca, truyện, sách giáo khoa, từ điển, khảo cứu lịch sử, địa lý... Các sách chưa in và đang soạn cũng gồm có văn tế, biên khảo về thơ, khảo cứu về trái cây, các loài chim, thú, nghiên cứu về canh nông, ngôn ngữ, hồi ức (Khổng Xuân Thu, 2016: 99-101)... Bài viết này tập trung giới thiệu một trong những biên khảo sớm nhất và tiêu biểu nhất của Trương Vĩnh Ký về lịch sử, địa lý vùng đất Nam Kỳ thời kỳ trước và sau khi bị thực dân Pháp xâm lược: *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine*.

2. Trương Vĩnh Ký và các tập biên khảo về lịch sử, địa lý Nam Kỳ

Trương Vĩnh Ký (1837-1898), sinh ra ở làng Vĩnh Thành (Cái Mon), tổng Minh Lý, huyện Tân Minh, phủ Hoằng An, tỉnh Vĩnh Long¹. Tên ban đầu là Trương Chánh Ký, sau đổi chữ lót giữa là “Vĩnh” (Đặng Thúc Liêng, 1927: 5), tự là Sĩ Tái (Trần Văn Giáp và cộng sự, 1972: 76), sau này mọi người còn gọi ông là Sĩ Tái Trương Vĩnh Ký hoặc Pétrus Ký. Ông là con trai thứ của ông Trương Chánh Thi và bà Nguyễn Thị Châu. Ông từng học ở trường đạo Pinhalu (Campuchia) và sau đó là học triết học ở chủng viện Dulalma (Penang, Malaysia). Ông thông thạo 15 ngôn ngữ phương Tây và 11 ngôn ngữ phương Đông. Năm 1860, ông làm thông ngôn cho Pháp, năm 1863 theo phái đoàn Phan Thanh Giản sang Pháp, năm 1869 làm chủ bút tờ Gia Định báo. Năm 1872, ông làm ủy viên Hội đồng thành phố Chợ Lớn, năm 1877 làm ủy viên hội đồng thành phố Sài Gòn, năm 1886 được Toàn quyền Đông Dương Paul Bert cử ra Huế làm việc ở Cơ mật viện, cố vấn cho vua Đồng Khánh. Khi Paul Bert chết, ông trở về Sài Gòn tiếp tục dạy ở Trường Thông ngôn (Nhiều tác giả, 2006: 101). Bên cạnh đó, ông còn là thành viên của Hiệp hội địa lý Paris.

Năm 22 tuổi, từ Pinang (Malaysia) về, Trương Vĩnh Ký đã đi dạy học. Từ một viên thông ngôn, ông đã được đặt lên vị trí của một vị giáo sư và sau này là giám đốc một trường sư phạm, giáo sư trường Hậu bổ. Trong quá trình dạy học, ông mong muốn soạn một số giáo trình để giảng dạy cho học sinh các trường học ở Nam Kỳ lúc bấy giờ. “Những bài học của ông soạn có phương pháp và rất công phu. Soạn xong, ông đưa viết tay rồi in, đóng thành tập. Ngày nay đem những sách ấy ra dùng còn hợp thời lắm” (Lê Thanh, 1943: 57-58).

Với mong muốn đó, Trương Vĩnh Ký đã viết một số biên khảo giới thiệu, dẫn giải chú thích về lịch sử, địa lý Nam Kỳ như *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine* (1875), *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh*; *Gia Định thất thủ vịnh* (Saigon d'autrefois) (1882); *Kim Gia Định phong cảnh vịnh* (Saigon d'aujourd'hui) (1882), *Souvenir historiques sur Saigon et ses environs* (1885), *Du đề thuyết lược* (Précis de géographie) (1887), *Đại Nam tam tập nhất tỉnh thành đồ* (1888), *Cours de géographie générale de l'Indochine* (1894)...

Ba bài *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh*, *Gia Định thất thủ vịnh* (Saigon d'autrefois); *Kim Gia Định phong cảnh vịnh* (Saigon d'aujourd'hui) đều được Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ, dẫn giải chú thích và in tại Nhà in C.Guilland et Martinon, Sài Gòn, 1882. Trong ba bài thì *Gia Định thất thủ vịnh* không rõ tác giả là ai. Hai bài *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh* và *Kim Gia Định phong cảnh vịnh* thì cụ Trương Vĩnh Ký cho rằng của Ngô Nhơn Tịnh, tuy sau này có người đặt giả thuyết rằng thuộc về tác giả khác (Trương Vĩnh Ký ghi chép và

¹ Nay là xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

dẫn giải, 1882; Nguyễn Đình Đầu giới thiệu, 2023: 5). Cả ba tác phẩm này đều có một điểm chung là Trương Vĩnh Ký thông qua việc sử dụng (tự viết hoặc tập hợp của người khác) thơ văn để miêu tả về Gia Định ở ba giai đoạn lịch sử khác nhau: một Gia Định xưa trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, một Gia Định bị tráng thất thủ trước thuyền to súng lớn của quân đội viễn chinh Pháp; và một Gia Định khi đã trở thành trung tâm chính trị của Pháp ở Nam Kỳ - đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn. Thông qua những áng thơ văn đó, người đọc có thể hình dung về lịch sử hình thành, địa lý và những thay đổi của Gia Định qua các thời kỳ khác nhau. Năm 1997, ba tác phẩm *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh*, *Gia Định thất thủ vịnh* và *Kim Gia Định phong cảnh vịnh* được in chung trong *Gia Định phong cảnh vịnh*, dày 92 trang do Nhà xuất bản Trẻ ấn hành (Hồ Song, 2001: 85).

Souvenir historiques sur Saigon et ses environs, Imprimerie Coloniale, Saigon, 1885² - *Ký ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận*, được in tại Nhà in Coloniale, Sài Gòn, 1885. Cuốn sách có nguồn gốc từ tập bài giảng được Trương Vĩnh Ký viết và đọc tại trường Thông ngôn khi ông làm giám đốc, và được in lại trong *Excursions et Reconnaissances* - Tập san *Du ngoạn và Thăm sát*, năm 1885. Cuốn sách gồm 30 trang, là tập hợp những khảo cứu của Trương Vĩnh Ký về lịch sử địa lý Sài Gòn và các vùng phụ cận. Cuốn sách gồm chia thành 5 phần, phần 1: Lời mở đầu, phần 2: Tên gọi Sài Gòn, phần 3: Sài Gòn trước thời Gia Long, phần 4: Sài Gòn dưới thời Gia Long, phần 5: Việc xây dựng thành cổ Sài Gòn, phần 6: Sài Gòn dưới thời Minh Mạng. Thông qua đó, Trương Vĩnh Ký muốn vẽ ra bức tranh cũ và mới về Sài Gòn, làm cơ sở cho sự ứng đối, so sánh sự khác biệt giữa hai thời kỳ cách biệt nhau ¼ thế kỷ. Ông cũng đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu cho chủ đề này như: Sài Gòn xưa là thế nào? Trước và trong thời vua Gia Long ra sao? Dưới thời các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức? Dáng vẻ Sài Gòn khi người Pháp đến thì thế nào?. Cuốn sách trở thành một tập tư liệu quý giá trong kho sử liệu về quá trình hình thành và phát triển của Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu đã lược dịch và chú thích công trình này sang tiếng Việt, được Nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 2022.

Bên cạnh đó là cuốn *Dur đồ thuyết lược (Précis de géographie)*, được in tại Nhà in Tân Định, Sài Gòn, 1887; *Đại Nam tam tập nhất tỉnh thành đồ* (1888); *Cours de géographie générale de l'Indochine* (1894) - *Tập bài giảng về địa lý Đông Dương*, xuất bản năm 1894, với bản đồ chung cho toàn Đông Dương và 6 bản đồ cho 6 xứ: Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Cao Miên, Xiêm, Miến Điện (Nguyễn Sinh Duy và cộng sự, 1975: 47).

Những biên khảo nói trên dù dưới hình thức thơ văn hay hồi ký cũng đều ghi dấu tâm huyết của Trương Vĩnh Ký *nhằm tăng cường sự hiểu biết giữa hai dân tộc có lợi cho Việt Nam* (Nhiều tác giả, 2006: 12), như lời ông đã nói: “Mục đích của những công trình khiêm tốn này là làm cho việc học biết tiếng nói của kẻ chinh phục và của người bị chinh phục có thể thực hiện lẫn cho nhau, là thắt chặt hơn nữa những quan hệ có lợi cho quyền lợi chung ràng buộc họ với nhau, là cải thiện số phận người An Nam cần được phục hồi bằng cách làm cho việc giáo dục học vấn của họ được hoàn hảo hơn, bằng cách làm cho họ hiểu thế nào là cuộc sống của một dân tộc và phát triển luôn trên con đường tiến bộ cùng với các

² Về năm xuất bản công trình này, một số tác phẩm đưa ra những mốc thời gian khác nhau. Không Xuân Thu (2016), *Trương Vĩnh Ký (1837-1898)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.93 và *Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký*, Tạp chí Xưa & Nay - Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, tr.264 đều thống kê công trình này xuất bản năm 1886.

nước khác trong hoàn cầu” (Nhiều tác giả, 2006: 12). Tuy rằng, mong muốn chân thành đó của Trương Vĩnh Ký chứa đựng nhiều ảo tưởng, nhưng xét từ góc độ văn hóa thì những biên khảo này thực sự có giá trị tham khảo quý, giúp người đương thời và hậu thế hiểu rõ hơn về quá trình hình thành cũng như các đặc điểm địa lý, diện mạo tự nhiên và xã hội của Nam Kỳ thời thuộc địa.

3. Biên khảo: “Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine”

Năm 1875, Trương Vĩnh Ký cho in cuốn sách tiếng Pháp: *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine*, 1^{er} Édition, Imprimerie du Gouvernement, Saigon³ - Tập bài giảng nhỏ về địa lý Nam Kỳ, Nhà in Phủ Toàn quyền, Sài Gòn. Tập bài giảng gồm 60 trang này được coi là công trình sớm nhất, tiêu biểu nhất về việc sưu tầm, giới thiệu lịch sử hình thành, địa lý của các tỉnh Nam Kỳ trước và sau khi bị thực dân Pháp xâm lược. Biên khảo được Trương Vĩnh Ký chia thành 2 nội dung: 1. Những khái niệm lịch sử; 2. Tên gọi các địa danh.

3.1. Những khái niệm lịch sử

Để làm rõ hơn lịch sử, địa lý Nam Kỳ, Trương Vĩnh Ký đã diễn giải các khái niệm bằng cách đặt ra 13 câu hỏi và câu trả lời về lịch sử hình thành vùng đất Nam Kỳ, từ đầu cho tới khi Pháp xâm lược, khi có các hiệp ước giữa triều đình Huế và thực dân Pháp. Theo đó, Trương Vĩnh Ký đã dẫn ra khái niệm *Basse-Cochinchine*, hay còn gọi là Nam Kỳ lục tỉnh⁴. Cùng với đó, ông cũng trình bày khái quát lịch sử hình thành vùng đất Nam Kỳ lục tỉnh qua các giai đoạn lịch sử, từ năm 1658 cho đến khi bị Pháp xâm lược, triều Nguyễn lần lượt ký các hiệp ước với thực dân Pháp vào các năm 1862, 1874. Đặc biệt, Trương Vĩnh Ký đi sâu vào việc trình bày địa giới hành chính của Nam Kỳ lục tỉnh, với các đơn vị hành chính ở cấp trấn. Vào năm 1780, Nam Kỳ gồm 3 trấn: Biên Trấn (Biên Hòa), Phan Trấn (Gia Định và Định Tường), Long Hồ (Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên). Năm 1806, thời vua Gia Long gồm 5 trấn là Phan Trấn (Gia Định), Biên Trấn (Biên Hòa), Vĩnh Trấn (Vĩnh Long, An Giang), Định Trấn (Định Tường), và Hà Tiên (Hà Tiên). Thời vua Minh Mạng gồm 8 trấn là Gò Sắt (Pur-sắt), Nam Vang (Pnom-pên), An Giang (Châu Đốc), Vĩnh Thanh (Vĩnh Long hoặc Long Hồ), Định Tường (Mỹ Tho), Phan Yên (Gia Định), Biên Hòa (Đồng Nai), Hà Tiên. Thời Thiệu Trị, Đại Nam trả lại cho Cao Miên 2 trấn Gò Sắt (Pur-sắt), Nam Vang (Pnom-pên), Nam Kỳ chỉ còn lại 6 trấn là An Giang (Châu Đốc), Vĩnh Thanh (Vĩnh Long hoặc Long Hồ), Định Tường (Mỹ Tho), Phan Yên (Gia Định), Biên Hòa (Đồng Nai), Hà Tiên.

Sau phần lịch sử, để đi tới việc làm rõ địa lý Nam Kỳ lục tỉnh, Trương Vĩnh Ký đặt ra 10 nhóm chủ đề, tương ứng với từng chủ đề là các câu hỏi và trả lời theo cách thức phổ thông, dễ hiểu, dễ nhớ. 10 nhóm chủ đề đó là:

Nhóm 1, chủ đề: Vị trí địa lý của Nam Kỳ, biên giới, chiều dài, chiều rộng, dân cư, diện tích, hình thể chung và đặc tính tự nhiên (7 câu hỏi và 7 câu trả lời).

³ Về thời gian xuất bản của công trình này, có nhiều ý kiến đưa ra khác nhau. Khổng Xuân Thu (2016), *Trương Vĩnh Ký (1837-1898)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.91 trong mục “Sự nghiệp trước thuật của Trương Vĩnh Ký” đã thống kê công trình này xuất bản năm 1885.

⁴ Gồm Biên Hòa, Gia Định, Định Tường (3 tỉnh miền Đông) và Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (3 tỉnh miền Tây).

Nhóm 2, chủ đề: Chính quyền hành chính của các tỉnh dưới thời Nguyễn (4 câu hỏi và 4 câu trả lời).

Theo đó, vào thời Nguyễn, mô hình chính quyền 6 tỉnh Nam Kỳ được chia thành các cấp là tỉnh, phủ, huyện, xã, thôn tương ứng là các chức quan cai trị của từng cấp như tổng đốc, tuần phủ, bố chánh, án sát, lãnh binh, đốc học; tri phủ, tri huyện, giáo thụ; cai tổng, phó tổng, thừa biện; xã trưởng, thôn trưởng, hương thân, hương hào, hương chủ, hương sư, thủ bộ, thủ khoán, cai tuần, biện lại... Tỉnh Gia Định có 4 phủ, 9 huyện; Biên Hòa có 2 phủ, 7 huyện; Định Tường có 2 phủ, 4 huyện; Vĩnh Long có 4 phủ, 8 huyện; An Giang có 3 phủ, 8 huyện; Hà Tiên có 3 phủ, 7 huyện. Bên cạnh đó, Nam Kỳ lúc này gồm có 17 trạm chạy. Các trạm này do các quan Bố chánh phụ trách, được đặt từng chặng gọi là đường quan hay đường trạm, phân bố khắp nơi từ tỉnh này đến tỉnh khác theo trục chính. Số lượng các trạm được phân chia như sau: Hà Tiên: 110 lý, An Giang: 4 trạm, với 217 lý, Vĩnh Long 2 trạm với 81 lý, Định Tường 3 trạm với 101 lý, Gia Định 4 trạm với 114 lý, Biên Hòa 4 trạm với 116 lý.

Ảnh 1: Các trạm ở Nam Kỳ thời Nguyễn.

SERVICE DE TRẠM.		— 17 —	
3. — La transmission des dépêches administratives s'opérait par le moyen des trames (stations postales). Ce service était à la charge et sous la direction du Bô-chánh, chef d'administration de la province.	2 ^o An-giang 4 trạm	$\left\{ \begin{array}{l} 1^o \text{ Giang-dịnh } 45 \text{ lý.} \\ 2^o \text{ Giang-hòa } 63 \text{ lý.} \\ 3^o \text{ Giang-lộc } 54 \text{ lý.} \\ 4^o \text{ Giang-mĩ } 53 \text{ lý.} \end{array} \right.$	217 lý.
	3 ^o Vĩnh-long 2 trạm	$\left\{ \begin{array}{l} 1^o \text{ Vĩnh-phước } 40 \text{ lý.} \\ 2^o \text{ Vĩnh-dai } 41 \text{ lý.} \end{array} \right.$	81 lý.
Une ligne de trame, était échelonnée sur la route royale appelée đường-quan ou đường-trạm, et parcourait le pays de province en province jusqu'à la capitale.	4 ^o Định-tường 3 trạm	$\left\{ \begin{array}{l} 1^o \text{ định-hòa } 29 \text{ lý.} \\ 2^o \text{ Định-tân } 36 \text{ lý.} \\ 3^o \text{ Định-an } 36 \text{ lý.} \end{array} \right.$	101 lý.
	5 ^o Gia-dịnh 4 trạm	$\left\{ \begin{array}{l} 1^o \text{ Gia-cầm } 29 \text{ lý.} \\ 2^o \text{ Gia-nhơn } 29 \text{ lý.} \\ 3^o \text{ Gia-tân } 29 \text{ lý.} \\ 4^o \text{ Gia-lộc } 27 \text{ lý.} \end{array} \right.$	114 lý.
4. — Voici les noms des trames existant alors dans la Basse-Cochinchine.	6 ^o Biên-hòa 4 trạm	$\left\{ \begin{array}{l} 1^o \text{ Biên-thạnh } 20 \text{ lý.} \\ 2^o \text{ Biên-long } 40 \text{ lý.} \\ 3^o \text{ Biên-phước } 28 \text{ lý.} \\ 4^o \text{ Biên-lĩ } 28 \text{ lý.} \end{array} \right.$	116 lý.
17 trạm :			
Dans la province de :			
1 ^o Hà-tiên	110 lý.	(1) lý = 370 tấc.	

Nguồn: Trương Vĩnh Ký (1875: 16-17).

Nhóm 3, chủ đề: Chính quyền hành chính của các tỉnh Nam Kỳ dưới thời Pháp (15 câu hỏi và 15 câu trả lời). Theo đó, Trung tâm Nam Kỳ là thành Sài Gòn. Thành cũ xưa kia nay trở thành trại lính. Nội hạt chia ra làm 20 sở tham biện. Gia Định: 5, Biên Hòa: 3, Định Tường: 1, Vĩnh Long: 3, An Giang: 5, Hà Tiên: 4. Các Sở tham biện này được nối với nhau bởi: (1). Các trạm, trong đó Sài Gòn là điểm đầu, và dịch vụ này được thực thi bởi các lính đồng; (2). Các trạm điện báo xuất phát từ Sài Gòn và đến điểm cuối là Pnom pênh. Có tất cả 26 trạm điện báo, các đường dây mới được nối rất tốt với trung tâm, chỉ trừ một đường dây chưa đi vào hoạt động là Cần Thơ. Sài Gòn thì liên lạc với chính quốc Pháp bằng các tàu thơ (thư từ) và bởi dây thép (một đường cáp điện báo) ngầm dưới biển. Bên cạnh đó, Trương Vĩnh Ký cũng đi vào trình bày về quyền hạn của Thống đốc Nam Kỳ, Soái phủ Nam Kỳ...

Ảnh 2: Các trạm điện báo ở Nam Kỳ thời thuộc Pháp

Ces stations sont au nombre de vingt-six savoir :

Saigon	Cái-bè
Thủ-dầu-một	Vĩnh-long
Biên-hòa	Bến-tre
Long-thành	Sóc-trăng
Bà-ri-a	Sa-đéc
Cap St-Jacques	Trà-vinh
Trảng-bàng	Long-xuyên
Tây-ninh	Rạch-gia
Chợ-lớn	Châu-độc
Bến-lức	Hà-tiên
Gò-công	Pnôm-pénh
Tân-an	Ou-đông
Mĩ-tho	Campot :

Nguồn: Trương Vĩnh Ký (1875: 20).

Nhóm 4, chủ đề: Sông và kênh rạch (10 câu hỏi và 10 câu trả lời). Hệ thống sông ngòi ở Nam Kỳ gồm: sông Tiền (Tiền Giang hay còn gọi là sông trước), sông Hậu (Hậu Giang hay còn gọi là sông sau), sông Vàm Cỏ (Le Vaico, với hai chi lưu là Vàm Cỏ Đông hay sông Bến Lức và Vàm Cỏ Tây hay sông Vung gù, Vàm Cỏ Đông thông với Vàm Cỏ Tây tại các điểm Thủ Đoàn, Thủ Thừa, rạch Bo Bo), sông Đồng Nai (sông Đồng Nai hay sông Biên Hòa, và sông Sài Gòn).

Nhóm 5, chủ đề: Cửa biển (2 câu hỏi và 2 câu trả lời). Theo đó, Trương Vĩnh Ký cho biết toàn Nam Kỳ có 19 cửa biển lớn: 4 ở khu vực Vịnh Thái Lan và 15 ở khu vực từ Cà Mau đến biên giới tỉnh Bình Thuận.

Nhóm 6, chủ đề: Cù lao, đảo (3 câu hỏi và 3 câu trả lời). Theo đó, Trương Vĩnh Ký đã phân chia thành 3 nhóm quần đảo ở khu vực vịnh Thái Lan (4 đảo), khu vực sông Tiền (6 cù lao), khu vực sông Hậu (7 cù lao).

Nhóm 7, chủ đề: Núi (1 câu hỏi và 1 câu trả lời). Tại phần này, tác giả đã trình bày tên các ngọn núi nổi tiếng nhất ở Nam Kỳ, trong đó tỉnh Biên Hòa có 8 ngọn, tỉnh Sài Gòn có ngọn Bà Đinh hoặc Điện Bà, hay Chơn Bà đen, tỉnh Châu Đốc có 10 ngọn, tỉnh Hà Tiên có 8 ngọn.

Nhóm 8, chủ đề: Sản vật (6 câu hỏi và 6 câu trả lời). Trong chủ đề này, Trương Vĩnh Ký phân loại các sản vật thành 3 nhóm: nhóm các sản vật chung của toàn vùng Nam Kỳ (16 sản vật); nhóm các sản vật theo bề mặt đất gồm có nhóm thực vật (14 sản vật), nhóm khoáng vật (03), nhóm động vật (13); nhóm thủy sản của các tỉnh được chia theo khu vực sông Tiền và sông Hậu. Theo đó, nhóm các sản vật chung gồm có gạo, gỗ để xây dựng, đường, chàm, cotton, kén, tơ, dầu dừa, dầu lạc, cá tươi, cá khô và muối, tiêu, hạt cau, lông chim, mật ong, sáp ong. Nhóm thực vật gồm có các loại gỗ xây dựng, các loại gạo, dừa, mía, cam, xoài, cây dầu, dứa, thuốc lá, cây chàm, măng cầu, dâu tằm. Nhóm khoáng vật gồm có đá ở Biên Hòa, Granit ở Vũng Tàu, hạt huyền ở Phú Quốc. Nhóm động vật gồm có hổ, voi, trâu, bò, ngựa, rắn, chim công, gà lôi, chim cu, huơu, tê giác, cá sấu và da cá sấu.

Nhóm 9, chủ đề: Thương mại và công nghiệp. Phần này không có câu hỏi, Trương Vĩnh Ký chỉ điểm qua hoạt động thương mại và công nghiệp của Nam Kỳ, đều xoay quanh các

sản phẩm của nông nghiệp như lúa gạo, gỗ, tơ lụa, da động vật, cá và các loại thủy sản, đường, dầu dừa...

Nhóm 10, chủ đề: Tôn giáo. Thống kê của Trương Vĩnh Ký cho biết, người dân Nam Kỳ theo 3 tôn giáo khác nhau là Đạo Phật, Đạo Nho và Đạo Thiên Chúa. Số lượng giáo dân Thiên Chúa ở Nam Kỳ vào năm 1860 là 27.000 người và đến thời điểm tác giả thống kê là 50.000 người.

Các chủ đề được diễn giải theo trình tự từ lịch sử hình thành, vị trí địa lý, lịch sử Nam Kỳ trước và sau khi bị Pháp xâm lược, các điều kiện tự nhiên, vấn đề kinh tế, xã hội... cho thấy Trương Vĩnh Ký không chỉ am hiểu sâu sắc về lịch sử, địa lý Nam Kỳ, mà còn có ý thức nghiên cứu và phổ biến khoa học tường tận. Các chủ đề biên khảo được ông diễn giải dưới hình thức câu hỏi và câu trả lời thực sự dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ, đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng người đọc và người học.

3.2. Tên gọi các địa danh

Tại phần tên gọi các địa danh, Trương Vĩnh Ký đã dày công sưu tầm và chỉnh lý, đối chiếu bằng hai ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng Hoa với các chủ đề cửa biển, dòng chảy, cù lao, hòn đảo và các ngọn núi của các tỉnh Nam Kỳ.

Tên các cảng biển: tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên

Tên các con sông: tỉnh Biên Hòa, Sài Gòn, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang

Tên các hòn đảo: tỉnh Hà Tiên, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Định Tường, tỉnh An Giang, tỉnh Gia Định, tỉnh Biên Hòa

Tên các hòn núi: tỉnh Biên Hòa, tỉnh Gia Định, tỉnh An Giang, tỉnh Hà Tiên.

Điều đặc biệt là thông qua việc chú giải và đối chiếu tên gọi của các hình thái tự nhiên ở Nam Kỳ, Trương Vĩnh Ký cũng đã góp phần chuẩn hóa tên gọi hoặc cách gọi của một số hình thái tự nhiên ở đây, cùng với việc chú giải thêm các thông tin liên quan về lịch sử hình thành, những thông số tự nhiên...

Trong các công trình nghiên cứu bằng tiếng Pháp từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, bên cạnh cách phiên âm tên kênh Thoại Hà/Thoại Sơn ra tiếng Pháp là Canal du Thoai Ha/Canal du Thoai Son, kênh Thoại Hà còn được gọi bằng một số tên gọi khác nhau, nhưng phổ biến nhất vẫn là kênh Rạch Giá (Canal de Rachgia, Canal du Rachgia), kênh từ Long Xuyên đi Rạch Giá (Canal de Longxuyen à Rachgia) và kênh Long Xuyên (Canal de Longxuyen).

Tên gọi kênh Rạch Giá (tiếng Pháp là Canal Rachgia hoặc Canal de Rachgia) để chỉ kênh Thoại Hà xuất hiện lần đầu trong tác phẩm *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine* của Trương Vĩnh Ký, năm 1875: dòng Mékong khi đi qua Cao Miên nơi nó được chia thành 3 nhánh chính. Trong đó nhánh thứ hai chảy về phía Tây mang tên sông Hậu (Hậu Giang-Sông sau) (Fleuve Postérieur), chảy theo hướng từ Tây Bắc đến Tây Nam và thông với Vịnh Thái Lan bằng kênh Vĩnh Tế của Hà Tiên và kênh Rạch Giá, và đổ ra biển Đông về phía Đông Nam của Trà Vinh và phía Tây Nam của Sóc Trăng (Trương Vĩnh Ký, 1875: 25). Theo nghiên cứu của Trương Vĩnh Ký, kênh Thoại Hà còn có cách gọi khác là *Ba Lạch (Kênh Rạch Giá) (phiên âm theo tiếng Việt - En annamite vulgaire)*, tức là *Kênh Toại (Thoại) Hà (được đào bởi Thoại Ngọc Hầu, năm thứ 16 Gia Long) (phiên âm theo tiếng Hoa - En caractère chinois)*.

Ảnh 3: Một cách phiên âm tên kênh Thoại Hà bằng tiếng Việt và tiếng Hoa

16° Kinh Vĩnh-tê, (18° Gia-long (140 lý) = 250 lý)	16. Vĩnh-tê hà.
17° Cái-đầm.	17. Đầm-giang.
18° Bưng Ca-âm.	18. Ca-âm tráo.
19° Ba-lạch (kênh rạch Giá.)	19. Toại hà, (par Toại- ngọc-hầu, 16° Gia-long).

Nguồn: Trương Vĩnh Ký (1875: 44).

Trong khi có nhiều tác giả có sự nhầm lẫn về thời gian đào kênh⁵ Thoại Hà, thông tin mà Trương Vĩnh Ký cung cấp đã góp phần chuẩn hóa những dữ liệu lịch sử về thời gian hình thành và vị quan phụ trách đào kênh.

Mục tên gọi các địa danh đã tập hợp và chuẩn hóa được khá nhiều địa danh phổ biến ở Nam Kỳ, từ tên núi, tên sông, kênh rạch đến tên các cửa biển, cù lao...; thống kê các địa danh này bằng cả hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Hoa. Điều đó vừa thể hiện sự thấu đáo, công phu trong nghiên cứu thu thập gắn với thu thập dữ liệu dân gian và khảo sát thực địa; vừa cho thấy khả năng thông thái về ngôn ngữ của Trương Vĩnh Ký.

4. Kết luận

Khi đọc *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine*, chúng ta không chỉ nể phục khả năng Pháp ngữ, với những câu văn phạm chuẩn xác về chính tả và ngôn ngữ đương thời; mà còn ngưỡng vọng một tinh thần tìm tòi, nghiên cứu và sự am hiểu tường tận lịch sử, địa lý Nam Kỳ từ học giả Trương Vĩnh Ký. Biên khảo này đã cung cấp những kiến thức căn bản về lịch sử, địa lý Nam Kỳ từ những khái niệm lịch sử, điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý, sông, kênh, rạch, núi, cù lao, sản vật...) cho tới những vấn đề kinh tế, xã hội (hành chính, tôn giáo, thương mại...) với những đối sánh mang tính lịch đại. Bên cạnh đó, những chú giải tỉ mỉ về tên gọi các hình thái tự nhiên như sông, núi, hòn đảo, cảng biển... bằng tiếng Việt và tiếng Hoa, đã khiến cho những kiến thức này đến được với nhiều đối tượng người đọc và người học. Nhờ đó, hậu thế được thừa hưởng một di sản đồ sộ và đáng quý về lịch sử và địa lý Nam Kỳ qua từng giai đoạn lịch sử, với những chuyển biến qua từng thời đại.

Đúng như Lê Thanh đã viết: “Ngoài một số ít sách thuộc về từ ngữ học, môn học sở trường của ông không kể, phần nhiều sách của ông hoặc soạn, hoặc dịch, hoặc chú giải đều có một mục đích tức khắc: làm phương tiện truyền bá sự học trong đám dân ta. Sống vào một thời đại độc nhất của lịch sử, người thức thời và có nhiệt tâm còn ít, ông một mình đã gánh vác công việc của bao nhiêu người. Ông đã là một nhà cổ học, nhà sử học, nhà từ ngữ học...” (Lê Thanh, 1943: tr.35-36). Hậu thế luôn ghi nhận Trương Vĩnh Ký là một biểu tượng của tinh thần tìm tòi, khám phá; một tấm gương sáng trên hành trình đem tri thức phục vụ cộng đồng.

⁵ J.C.Baurac (1894), *La Cochinchine et ses habitants: provinces de l'Ouest*, Imprimerie Commerciale Rey, Saigon, tr.306 cho rằng kênh này được đào năm 1832. Còn Victor Duvernoy (1924), *Monographie de la province de Longxuyen (Cochinchine)*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, tr.40 thì cho rằng kênh Thoại Sơn (Rạch Giá) được đào vào vào năm thứ 3, thời vua Minh Mạng.

Tài liệu tham khảo

- Đặng Thúc Liêng. (1927). *Trương Vĩnh Ký hành trạng*. Nhà in Xưa-Nay. Sài Gòn.
- Hồ Song. (2001). Gia Định phong cảnh vịnh. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 5.
- J.C.Baurac. (1894). *La Cochinchine et ses habitants: provinces de l'Ouest*. Imprimerie Commerciale Rey. Saigon.
- Không Xuân Thu. (2016). *Trương Vĩnh Ký (1837-1898)*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Lê Thanh. (1943). *Trương Vĩnh Ký biên khảo*. Phổ thông chuyên san. Tân-Dân xuất bản phát hành.
- Nguyễn Sinh Duy, Phạm Long Điền. (1975). *Cuốn sổ bình sanh của Trương Vĩnh Ký*. Nam Sơn xuất bản.
- Nhiều tác giả. (2006). Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký. Tạp chí *Xưa & Nay*. Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần Văn Giáp, Nguyễn Tường Phượng, Nguyễn Văn Phú, Tạ Phong Châu. (1972). *Lược truyện các tác gia Việt Nam*. t.2, Nxb. Khoa học xã hội.
- Trương Vĩnh Ký. (1875). *Petit cours de géographie de la Basse-Cochinchine*. 1^{er} Édition, Saigon. Imprimerie du Gouvernement.
- Trương Vĩnh Ký. (1882a). *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh, Gia Định thất thủ vịnh (Saigon d'autrefois)*. Nhà in C.Guilland et Martinon. Saigon.
- Trương Vĩnh Ký. (1882b). *Kim Gia Định phong cảnh vịnh (Saigon d'aujourd'hui)*. Nhà in C.Guilland et Martinon. Saigon.
- Trương Vĩnh Ký. (1885). *Souvenir historiques sur Saigon et ses environs*. Imprimerie Coloniale. Saigon.
- Trương Vĩnh Ký. (1887). *Dur đồ thuyết lược (Précis de géographie)*. Nhà in Tân Định. Sài Gòn.
- Trương Vĩnh Ký ghi chép và dẫn giải. (1882). Nguyễn Đình Đầu giới thiệu. (2023). *Gia Định phong cảnh vịnh: Cổ Gia Định phong cảnh vịnh, Gia Định thất thủ vịnh, Kim Gia Định phong cảnh vịnh*. Nxb. Trẻ.
- Victor Duvernoy. (1924). *Monographie de la province de Longxuyên (Cochinchine)*, Imprimerie d'Extrême-Orient. Hanoi.